TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2024/DS-ST Ngày 08/7/2024	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU TỈNH BẮC NINH**

Vụ: V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh S và ông C

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Hưng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu; Bà Lê Thị Xuân.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Hải, Thư ký tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2024, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thụ lý số:51/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST- DS, ngày 06/5/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Lưu Đình S, sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 23 đường Võ Cường 11, khu 3 H, phường V, thành phố Bắc Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lưu Đình S trình bày:

Giữa vợ, chồng anh và ông Nguyễn Công C là chỗ quen biết xã hội với nhau. Ngày 31/08/2022, anh có cho ông C vay số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) bằng việc anh đã chuyểnkhoản vào số tài khoản: 0280133369999 đứng tên ông C mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) thông qua 2 mã giao dịch từ tài khoản của tôi tại Ngân hàng Techcombank. Mã thứ nhất là FT22243372790450 với số tiền chuyển khoản là 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng chẵn) và mã thứ hai là FT22243455440503 với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) vào ngày 31/8/2022. Nội dung lời nhắn kèm theo các mã giao dịch nói trên đều ghi rõ là "cho vay". Và cụ thể hơn nữa giao dịch nêu trên, hai bên đã ký Giấy biên nhận vay tiền ngày 10/08/2023 để xác nhận lại giao dịch và thời hạn trả nợ, thời gian trả nợ 12 tháng kể từ ngày vay. Kể từ ngày vay đến ngày

31/8/2023 là 12 tháng, khoản vay trên theo như giấy vay tiền mà các bên ký với nhau đã quá hạn từ 01/09/2023 đến nay.

Toàn bộ số tiền anh đứng tên cho ông C vay là tiền chung của vợ chồng anh đi vay tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Tiên Du Bắc Ninh II, hàng tháng vợ chồng anh đều đóng lãi cho ngân hàng đầy đủ, không phải là tiền của một mình cá nhân anh. Vợ chồng anh đã đòi ông C rất nhiều lần nhưng vẫn trây ì không chịu trả nợ gốc và lãi cho vợ chồng anh đồng nào.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên toà, anh vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ông Nguyễn Công C phải trả cho vợ chồng anh toàn bộ số nợ gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày thực tế cho vay theo sao kê tài khoản đến ngày xét xử 08/7/2024.

Tại phiên toà hôm nay, anh vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án ông Nguyễn Công C trình bày:

Ông thừa nhận chữ ký tại giấy Biên nhận vay tiền ngày 10/8/2023 mà anh Lưu Đình S xuất trình làm căn cứ khởi kiện ông đúng là chữ ký của ông, ông không có ý kiến gì. Ông thừa nhận có nợ vợ chồng anh Lưu Đình S và chị Đỗ Thị H số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) như anh S yêu cầu là đúng.

Toàn bộ số tiền ông vay của vợ chồng chị H, anh S là cá nhân ông vay, không liên quan gì đến vợ, con ông và không liên quan đến ai khác.

Nay đốivới yêu cầu khởi kiện của anh S buộc ông phải trả cho vợ chồng anh S và chị H số tiền vay gốc còn là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) và yêu cầu trả lãi suất thì ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý trả số tiền vay gốc, còn số tiền lãi do công ty làm ăn khó khăn quá nên ông không thể có tiền để thanh toán tiền lãi được.

Ngoài ra ông cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị là vợ của anh Lưu Đình S. Ngày 31/08/2022, vợ chồng chị có cho ông Nguyễn Công C vay số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồngchẵn) bằng việc anh S đã chuyển khoản vào số tài khoản: 0280133369999 đứng tên ông C mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) thông qua 2 mã giao dịch từ tài khoản của anh S tại Ngân hàng Techcombank. Mã thứ nhất là FT22243372790450 với số tiền chuyển khoản là 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng chẵn) và mã thứ hai là FT22243455440503 với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn). Và cụ thể hơn nữa giao dịch nêu trên, hai bên đã ký Giấy biên nhận vay tiền ngày 10/08/2023 để xác nhận lại giao dịch và thời hạn trả nợ, thời gian trả nợ 12 tháng kể từ ngày vay. Toàn bộ số tiền anh S đứng tên cho ông C vay là tiền chung của vợ chồng chị đi vay tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Tiên Du Bắc Ninh II, hàng tháng vợ chồng chị đều đóng lãi cho ngân hàng đầy đủ, không phải là tiền của một mình cá nhân anh S. Do là vợ chồng nên chị để một mình anh S đứng tên ký cho ông C vay nợ.

Vợ chồng chị cho cá nhân ông C vay tiền, không liên quan gì đến vợ, con ông C. Chị không có yêu cầu gì đối với vợ, con ông C.

Chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh S đề nghị Toà án buộc ông Nguyễn Công C phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng chị toàn bộ số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày thực tế cho vay theo sao kê tài khoản đến ngày xét xử 08/7/2024.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 147 BLTTDS; căn cứ Điều 105, 116, 117, 158, 166, 357, 463, 465, 466, 468 BLDS năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Đình S.

Buộc ông Nguyễn Công C phảicó nghĩa vụ trả nợ cho anh Lưu Đình S và chị Đỗ Thị H số tiền gốc còn nợ là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi là 83.500.000đ. Tổng là 583.500.000đ

Về án phí: Ông Nguyễn Công C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNHCỦATÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 20/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du nhận được đơn khởi kiện của anh Lưu Đình S khởi kiện đối với ông Nguyễn Công C về việc anh S yêu cầu ông C phải trả anh S số tiền gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi theo các bên thoả thuận tại Giấy biên nhận vay tiền ngày 10/8/2023 tính từ ngày vay 31/08/2022 đến ngày xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã thụ lý vụ án với quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn là ông C đang cư trú trên địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du quy định tại khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 30/5/2024, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng ông C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi đương sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa xét xử vào ngày 30/5/2024. Tuy nhiên ông C tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) kể từ thời điểm các bên chuyển khoản tiền vay nợ ngày 31/8/2022, sau đó các bên xác nhận lại công nợ tại Giấy vay tiền đề ngày

10/08/2023 (dương lịch) đến ngày hẹn trả nợ 12 tháng (tức đến ngày 01/9/2023) và tiền lãi theo thoả thuận của anh S với ông C:

Ngày 31/08/2022, anh S có cho ông Nguyễn Công C vay số tiền là 500.000.000đ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn) bằng việc anh S đã chuyển khoản vào số tài khoản: 0280133369999 đứng tên ông Nguyễn Công C mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) thông qua 2 mã giao dịch từ tài khoản của anh S tại Ngân hàng Techcombank. Mã thứ nhất là FT22243372790450 với số tiền chuyển khoản là 490.000.000đ (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi triệu đồng chẵn) và mã thứ hai là FT22243455440503 với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn). Nội dung lời nhắn kèm theo các mã giao dịch nói trên đều ghi rõ là "cho vay". Và cụ thể hơn nữa giao dịch nêu trên, hai bên đã ký Giấy biên nhận vay tiền ngày 10/08/2023 để xác nhận lại giao dịch. Ông C có ký Giấy vay tiền đề ngày 10/08/2023(dương lịch) vay tiền anh S số tiền gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn). Nội dung giấy vay tiền thể hiện thời hạn trả nợ là 12 tháng (tức đến ngày 01/9/2023) ông C phải trả đủ số tiền gốc vay cho anh S.

Tại phiên tòa hôm nay, anh S vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn). và lãi suất là 9% năm tạm tính từ ngày 31/8/2022 cho đến ngày xét xử là ngày 08/7/2024 là 83.500.000đ. Tổng là 583.500.000đ.

Đối với yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Giấy vay tiền đề ngày 10/8/2023 (dươnglịch) thể hiện anh S cho ông C vay số tiền gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn). Ông C xác nhận phần chữ ký và chữ viết bên mục "Bên vay" tại Giấy vay tiền đề ngày 10/8/2023 đúng là chữ ký và chữ viết của ông C. Ông C cũng thừa nhận có nợ vợ chồng anh Lưu Đình S và chị Đỗ Thị H số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) theo Giấy vay tiền đề ngày 10/8/2023 (dương lịch) như anh S yêu cầu là đúng. Do anh S và ông C xác lập giao dịch vay tiền từ ngày 31/08/2022 (dương lịch) thể hiện bằng việc anh S đã chuyển khoản vào số tài khoản: 0280133369999 đứng tên ông C mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội số tiền là 500.000.000đ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn) thông qua 2 mã giao dịch từ tài khoản của anh S tại Ngân hàng Techcombank. Mã thứ nhất là FT 22243372790450 với số tiền chuyển khoản là 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng chẵn) và mã thứ hai là FT 22243455440503 với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn). Nội dung lời nhắn kèm theo các mã giao dịch nói trên đều ghi rõ là "cho vay". Điều này chứng tỏ, giao dịch dân sự giữa anh S và ông C là hợp pháp. Như vậy, có thể khẳng định ông C có nợ của anh S số tiền gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn). Tại phiên tòa hôm nay, anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông C phải trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi thì thấy: Trong Giấy vay tiền đề ngày 10/8/2023 (dương lịch) có thoả thuận trả lãi phù hợp với quy định của pháp luật nhưng không nêu cụ thể trả lãi như thế nào. Do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

2015 để xác định lãi suất trong trường hợp này = 50% mức lãi xuất quy định (tức 10%/năm). Do các bên thực hiện việc vay tiền từ ngày 31/8/2022 bằng việc anh S đã chuyển khoản tiền vay vào tài khoản của ông C nên số tiền lãi xác định được tính từ ngày 31/8/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ . Vì vậy việc anh S yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi là 9%/tháng tạm tính từ ngày 31/8/2022 cho đến ngày xét xử là 83.500.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Ông C vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện phía ông C thừa nhận có vay vợ chồng anh S và chị H số tiền gốc 500.000.000đ thể hiện Giấy vay tiền đề ngày 10/8/2023 (dương lịch). Ông C chỉ đồng ý trả số tiền vay gốc, còn số tiền lãi do công ty làm ăn khó khăn quá nên ông C không thể có tiền để thanh toán tiền lãi được, cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do đó, đối với việc ông C cho rằng chỉ trả số tiền vay gốc còn không đồng ý trả tiền lãi do công ty làm ăn khó khăn là không có căn cứ chấp nhận.

Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do vậy cần chấp nhận về yêu cầu lãi suất mà phía nguyên đơn đưa ra từ ngày 31/08/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/7/2024 là 9%/năm. Số tiền lãi được xác định là 500.000.000đ x 9%/năm x 22 tháng = 83.500.000đ.

Tại lời khai của chị H là vợ anh S thể hiện số tiền anh S đứng tên cho ông C vay là tiền chung của vợ chồng chị đi vay tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Tiên Du Bắc Ninh II, hàng tháng vợ chồng chị đều đóng lãi cho ngân hàng đầy đủ, không phải là tiền của một mình cá nhân anh S. Do là vợ chồng nên chị để một mình anh S đứng tên ký cho ông Nguyễn Công C vay nợ. Điều này cũng được ông C thừa nhận là có nợ tiền vợ chồng anh S và chị H nên Tòa án đưa chị H vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Ông C, anh S, chị H đều xác định việc vay nợ không liên quan gì đến vợ, con ông C và không có yêu cầu gì đối với vợ, con ông C nên Tòa án không đưa vợ, con ông C vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 235, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 116, 117, 385, 400; 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Đình S. Buộc ông Nguyễn Công C phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Lưu Đình S và chị Đỗ Thị H số tiền gốc là 500.000.000

đồng và lãi là 83.500.000đ Tổng là 583.500.000đ (Năm trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Công C phải chịu 27.340.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Lưu Đình S 13.255.000đ tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai ký hiệu BLTU/23 số: 0001276 ngày 26/01/2024 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du)

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt kết quả bản án vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKS h. Tiên Du.
- THADS h. Tiên Du.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNGXÉTXỬSƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Tiến Hưng